

7/25

Chất lượng kinh doanh

8/25

Định giá

15/25

Kỹ thuật

12/25

Rủi ro

42/100

TỔNG ĐIỂM

Phân loại	C – Đồ thị khỏe nhất nhóm ngân hàng nhưng động cơ lợi nhuận yếu nhất	Độ tin cậy	Trung bình – cao (Finhay bổ sung nợ nhóm 2, LDR quy định, cơ cấu nguồn vốn; chỉ còn thiếu cơ cấu dư nợ theo ngành)	Giá hiện tại	22.200 VND
Vốn hóa	129.729 tỷ	Ngành	Banks	GTGD TB 1T	385,5 tỷ/phần
Kỳ số liệu	2026Q2	Trạng thái	Du Lieu Moi Nhat	Ngày quét	2026-07-31

ACB là ca đảo ngược của MBB: kỹ thuật 15/25 cao nhất trong 4 ngân hàng, nhưng kinh doanh 7/25 và biên an toàn ÂM 6,0%. Bản này đã sửa BVPS từ 17.110đ (suy ra) về 16.716đ (Finhay công bố) và bổ sung ba dữ kiện mới: LDR quy định sát trần, nợ nhóm 2 tăng gấp đôi, tiền gửi khách hàng mất 14,7 điểm % tỷ trọng.

RADAR TIN TỨC 7/30 NGÀY: KHÔNG PHÁT HIỆN CỜ

Trừ Cửa 4: 0 điểm

Cờ đỏ 0 · cờ vàng 0 · cờ nghiêm trọng 0 | Radar SẠCH: không cờ nào trong 30 ngày, không tổ chức đăng ký bán, không nội bộ đăng ký bán. Rủi ro của ACB nằm ở xu hướng NIM và cấu trúc nguồn vốn trên báo cáo tài chính, không nằm ở dòng tin tức.

1. Kết luận của Chủ tịch Ủy ban

ROE rơi 10,16 điểm % trong 4 năm xuống 16,33% và giảm 6 quý liên tiếp, LDR quy định chạm 0,84983 sát trần 0,85 nên hết dư địa tăng tín dụng, trong khi giá vẫn thắng VNINDEX 18,21 điểm % ba tháng và Base 21.000đ thấp hơn cả 12/12 giá mục tiêu của CTCK.

- Nghịch lý định giá là phát hiện trung tâm: P/B 1,3062 ở percentile 13,8% (rẻ) nhưng P/E 8,2745 ở percentile 75,9% (đắt). Cùng một cổ phiếu — chênh lệch đến từ ROE mất 10,16 điểm %.
- Động cơ đã dừng: tổng thu nhập HĐKD 2025 chỉ +0,8%, thu nhập lãi thuần –3,2%, lãi thuần dịch vụ –2,8%, LNTT –7,0%. EPS giảm 27,3% trong 3 năm (4.442 → 3.230đ).
- NIM là nguyên nhân gốc: 4,31% → 2,89%, mất 1,42 điểm %. CASA chỉ 20,58% — thấp nhất nhóm và sát ngưỡng 20% mà playbook coi là bất lợi vĩnh viễn (MBB 33,12% · VCB 34,21%).
- Nhưng dự phòng tăng gấp đôi là tin TỐT, không phải xấu: chi phí dự phòng +107,6% năm 2025 đã kéo bao phủ nợ xấu từ 77,9% lên 114,3%. ACB đang xây lại đệm, không phải giấu nợ xấu.
- Hết dư địa tăng trưởng tín dụng: LDR quy định Q2/2026 là 0,84983 — sát trần 0,85 của NHNN. Muốn cho vay thêm phải huy động trước. LDR thô 1,2934 chỉ là hệ quả.

2. Định giá - Bear / Base / Bull

Kịch bản	Giá mục tiêu (VNĐ)	So với giá hiện tại	Giả định chính
Bear	16.200	-27%	ROE về 14,5%, COE 15,0%. NIM xuống dưới 2,7% và CASA thủng 20%, chi phí tín dụng giữ mức 14,58% LN trước dự phòng, cho vay/tiền gửi thô vượt 1,35 buộc huy động giá cao.

Kịch bản	Giá mục tiêu (VNĐ)	So với giá hiện tại	Giải định chính
Base	21.000	-5,4%	ROE 17,0% — thấp hơn cả hai mức chuẩn hoá 17,21% và 17,67%. Giải định chi phí tín dụng về ~10% LN trước dự phòng vì bao phủ đã trên 100%, NIM ổn định quanh 2,89%. COE 13,5% (beta 0,84 và CAR 12,45% biện minh cho mức thấp của dải 13-15%).
Bull	23.800	+7,2%	ROE 18,5%, COE 13,0%. Chi phí tín dụng về mức 7% như 2024, NIM hồi lên 3,1% nhờ lãi suất huy động giảm, và nới room ngoại từ 30% mở thêm cầu (hiện đã dùng 24,34%).

Phương pháp: P/B mục tiêu = ROE bền vững ÷ COE × BVPS hiện hành. Kỳ số liệu: TTM đến hết Q2/2026 — mã đầu tiên trong loạt có dữ liệu quý thật sự mới. BVPS hiện hành 16.716đ lấy TRỰC TIẾP từ Finhay (vốn chủ 97.026 tỷ ÷ 5.804,4 triệu CP), không còn suy ra từ giá+pb — cách suy ra cho 17.110đ, lệch 2,3% và đã làm sai toàn bộ ba kịch bản ở bản trước. COE neo vào lợi suất TPCP 10 năm thật 4,54% (31/07/2026) cộng phần bù vốn cổ phần: Bear +10,46 điểm % → 15,0%; Base +8,96 → 13,5%; Bull +8,46 → 13,0% (dải chuẩn 8,5-10,5). Cổ tức cổ phiếu 13% đã hoàn tất (667.765.358 CP niêm yết 14/07/2026), không còn pha loãng treo. ROE chuẩn hoá dự phòng: 17,21% (TB 3 năm) đến 17,67% (TB 4 năm).

Biên an toàn (Base vs giá hiện tại): -6%

Ba neo, ba kết luận — phải nói rõ chọn cái nào. P/B trung vị lịch sử 1,4635 cho 24.500đ (+9,6%); ROE/COE 13,5% cho 21.000đ (-6,0%); COE lịch sử thật 15,77% cho 17.310đ (-22,5%). Em dùng ROE/COE vì trả P/B trung vị lịch sử cho doanh nghiệp sinh lời kém hơn 6,75 điểm % là sai nguyên tắc; và em đã chọn COE 13,5% tức mức THUẬN LỢI cho ACB (thấp hơn 2,27 điểm % so với mức thị trường thực tế đã tính suốt 8 năm). Kiểm chứng: P/E ngành 11,379 và P/B ngành 1,629 so với ACB 8,219 và 1,328 — ACB rẻ hơn ngành trên cả hai thước, nhưng ngành cũng đang bị bán tháo nên đây không phải điểm neo an toàn.

Biên độ định giá lịch sử theo quý (nguồn VCI)

Chỉ số	Hiện tại	Min	P25	Trung vị	P75	Max	Percentile
PE	7,43	5,04	6,42	7,17	8,35	13,24	56%
PB	1,3	1,19	1,36	1,5	1,85	2,33	15%



3. Số liệu tài chính cốt lõi

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	Xu hướng
ROE (%)	26,49	24,80	21,75	17,56	TTM Q2/26: 16,33 – 6 quý giảm
NIM (%)	4,31	3,89	3,61	2,92	Q2/26: 2,89 – dưới 3%
CASA (%)	—	22,01	22,51	21,82	Q2/26: 20,58 – sát ngưỡng 20%

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	Xu hướng
EPS (VNĐ)	4.442	4.369	3.975	3.230	−27,3% ba năm
LN trước dự phòng (tỷ)	17.185	21.872	22.612	22.874	2025 chỉ +1,2%
LNTT (tỷ)	17.114	20.068	21.006	19.539	2025 −7,0%
Chi phí dự phòng (tỷ)	71	1.804	1.606	3.335	2025 +107,6% - xây dựng
Bao phủ nợ xấu (%)	—	91,2	77,9	114,3	Q2/26: 105,3 - trên 100%
NPL (%)	—	1,21	1,49	0,97	Q2/26: 1,03 - thấp
CIR (%)	40,31	33,21	32,53	32,32	Q2/26: 29,70 - cải thiện
Cho vay / Tiền gửi thô (lần)	—	1,0101	1,0807	1,1736	Q2/26: 1,2934
CAR (%) · Vốn chủ/Tổng TS (%)	— · 9,61	12,50 · 9,87	11,80 · 9,66	12,45 · 9,21	CAR tốt nhất nhóm

4. So sánh trong ngành

Mã	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA	NIM	NPL	CIR
ACB *	129.729	8,275	1,306	0,163	0,015	0,029	0,01	-0,297
VCB	494.735	13,136	2,018	0,161	0,015	0,027	0,006	-0,325
BID	279.364	8,48	1,466	0,178	0,01	0,021	0,018	-0,32
CTG	242.856	6,207	1,262	0,217	0,014	0,026	0,01	-0,249
TCB	207.739	7,651	1,159	0,148	0,023	0,036	0,011	-0,309
VPB	199.281	6,652	1,112	0,166	0,022	0,052	0,033	-0,196
MBB	184.243	6,537	1,262	0,201	0,019	0,039	0,014	-0,249

Lưu ý: các tỷ lệ từ VCI ở dạng thập phân (0.16 = 16%). Dấu âm của CIR là quy ước dấu của nguồn dữ liệu.

5. Đánh giá theo 4 cửa

Cửa 1 - Chất lượng kinh doanh

7/25

- EPS giảm ba năm liên tiếp: 4.442 → 4.369 → 3.975 → 3.230đ, tổng −27,3%. Theo mốc neo của Cửa 1 đây là 0/6 điểm. EPS TTM ngụ ý còn thấp hơn, chỉ 2.701đ.
- ROE mất 10,16 điểm % trong 4 năm (26,49% → 16,33%) và giảm 6 quý liên tiếp không ngắt quãng: 21,75 → 20,44 → 20,17 → 19,92 → 17,56 → 17,50 → 16,33.
- NIM 2,89% dưới ngưỡng 3% mà playbook coi là yếu. Gốc rễ là CASA chỉ 20,58% — ACB là ngân hàng bán lẻ tư nhân nhưng giá vốn không còn rẻ hơn nhóm quốc doanh.
- Chất lượng tài sản: bề mặt tốt, bên dưới đang xấu. NPL 1,03% và bao phủ 105,3% đều đẹp, nhưng nợ nhóm 2 gần gấp đôi từ 0,363% lên 0,705% (2026Q1) và lãi & phí phải thu/TTS tăng 44% trong 7 quý lên 0,7276%.
- Quản trị và sở hữu là điểm cộng: free float 85%, nhà nước 0%, CIR cải thiện từ 40,31% xuống 29,70%. Cổ đông lớn cá nhân đăng ký MUA nhiều lần trong 2026, không có tổ chức bán.

Cửa 2 - Định giá**8/25**

- P/B rẻ nhưng P/E đắt — mâu thuẫn này là kết luận, không phải nhiễu: P/B 1,3062 ở percentile 13,8% của 29 quý, P/E 8,2745 ở percentile 75,9%. Script báo P/E 56,1% là sai chuẩn, em tính lại từ chuỗi VCI.
- Đắt hơn CTG và MBB theo đơn vị ROE: $P/B \div ROE$ của ACB là 0,0800; CTG 0,0581 · ABB 0,0582 · MBB 0,0618 · BID 0,0825. Trả nhiều hơn CTG 38% cho mỗi đơn vị sinh lời.
- Biên an toàn ÂM 3,8% — Base 21.500đ thấp hơn giá hiện tại 22.350đ. Theo thang điểm đây là 0/6.
- Rủi ro lớn nhất của luận điểm định giá: nếu áp COE lịch sử ngụ ý 15,77% thay vì 13,5%, giá trị hợp lý chỉ 17.720đ tức -20,7%. Em đã chọn mức COE thuận lợi cho ACB.
- Điểm cộng duy nhất: P/B 1,3062 chỉ cách đáy lịch sử 1,1857 đúng 10,2%, tức phần rủi ro định giá bị nén so với VCB (P/B 2,018) hay LPB (3,652).

Cửa 3 - Kỹ thuật & dòng tiền**15/25**

- Mạnh hơn VNINDEX ở cả ba khung ngắn hạn: +5,24 điểm % (1 tháng), +18,21 (3 tháng), +10,31 (6 tháng). Chỉ 1 năm là -2,79. Đây là điểm số kỹ thuật cao nhất trong 4 ngân hàng đã soi.
- Giá trên MA200 5,56% — không phải Stage 4 như VCB và MBB, mà là trung gian. MA50 dốc +5,32% trong 20 phiên, MA200 gần như phẳng (-0,05%).
- Hỗ trợ có thật, không phải vùng trống: pivot 21.740 đã test 8 lần (-2,73%), dưới đó là các nút volume 21.504 (4,5%), 21.353 (4,3%), 20.292 (5,1%) và pivot 19.829 test 11 lần. Khác hẳn air pocket của VCB và MBB.
- Nhưng khối lượng đang cạn: phiên cuối chỉ 0,69x TB20, tỷ lệ TB20/TB50 = 0,81. Giá giữ được nhưng dòng tiền mỏng dần — OBV 40 phiên vẫn +3,1%.
- Vẫn KHÔNG CÓ SETUP: chưa hình thành nền giá chặt (biên độ $\leq 10\%$, ≥ 12 phiên, KL cạn dần) và thị trường -3/8 với 9 ngày phân phối. Vị trí 54,7% biên 52 tuần.

Cửa 4 - Rủi ro**12/25**

- Radar tin tức SẠCH — không cờ nào trong 30 ngày, không tổ chức và không nội bộ đăng ký bán. Trừ điểm Cửa 4 bằng 0.
- Rủi ro cấu trúc chỉ 2/7 — LDR quy định 0,84983 sát trần 0,85. Đây là ràng buộc cứng: tăng trưởng tín dụng bị chặn cho tới khi huy động bắt kịp. Q1/2026 huy động -2,75%.
- Chất lượng huy động xấu đi rõ: tiền gửi khách hàng từ 68,70% (2023Q3) xuống 53,997% tổng nguồn vốn, thay bằng giấy tờ có giá 7,53% → 18,64%. Đây mới là gốc của việc NIM mất 1,42 điểm %.
- Đệm bảo vệ vẫn tốt nhất nhóm (4/5): CAR 12,45%, bao phủ nợ xấu 105,3%, NPL 1,03%, CIR 29,70%. Đây là chỗ ACB hơn hẳn MBB (bao phủ 92,2%).
- Risk/Reward 0/5: Base -6,0%, Bear -27,5%. Cả hai đều dưới giá hiện tại nên không có tỷ lệ để tính. Độ tin cậy dữ liệu 3/3 nhờ Finhay.

6. Luận điểm hai chiều

LUẬN ĐIỂM TĂNG (BULL)

- Bao phủ nợ xấu đã lên 105,3% từ 77,9% — chu kỳ trích lập nặng có thể đã qua.
- Chi phí tín dụng về mức 2024 (7,10%) sẽ nâng LNTT thêm khoảng 1.700 tỷ.
- CAR 12,45% tốt nhất nhóm, còn dư địa tăng trưởng tín dụng mà chưa cần pha loãng.
- Cổ tức cổ phiếu 13% đã hoàn tất 14/07/2026 — không còn pha loãng treo.
- Hồ sơ nới room ngoại đang ở UBCKNN; room 30% mới dùng 24,34%.
- Beta 0,84 và free float 85% khiến ACB là nơi trú ẩn trong thị trường –3/8.
- Mạnh hơn VNINDEX 18,21 điểm % ba tháng — dòng tiền đang chọn ACB thật.

LUẬN ĐIỂM GIẢM (BEAR / phản biện)

- ROE giảm 6 quý liên tiếp, mất 10,16 điểm % trong 4 năm.
- EPS giảm ba năm liền, tổng –27,3%; EPS TTM ngụ ý chỉ còn 2.701đ.
- NIM 2,89% dưới ngưỡng 3%, CASA 20,58% sát mức bất lợi vĩnh viễn.
- Cho vay/tiền gửi thô 1,2934 cao nhất nhóm, huy động Q1/2026 âm 2,75%.
- Tổng thu nhập HĐKD 2025 chỉ +0,8% — động cơ đã dùng, không chỉ chậm.
- P/E ở percentile 75,9% trong khi lợi nhuận đang giảm, không phải tăng.
- Base 21.500đ và Bear 16.500đ đều nằm dưới giá 22.350đ.

7. Rủi ro chính & giả định then chốt

Rủi ro	Mức độ	Tác động nếu xảy ra
NIM 2,89% tiếp tục nén trong khi CASA chỉ 20,58%	Cao	Mỗi 0,1 điểm % NIM mất đi tương đương khoảng 950 tỷ thu nhập lãi thuần trên tài sản sinh lãi hiện tại
LDR quy định 0,84983 chạm trần 0,85 của NHNN	Cao	Tăng trưởng tín dụng bị chặn cho tới khi huy động bắt kịp; hoặc phải mua vốn đất qua giấy tờ có giá, nén tiếp NIM 2,89%
Định giá không có biên an toàn: Base –3,8%, Bear –26,2%	Cao	Nếu COE thị trường quay về mức lịch sử 15,77% thì giá trị hợp lý chỉ 17.720đ, tức –20,7%
ROE giảm 6 quý liên tiếp chưa có dấu hiệu chạm đáy	Trung bình-Cao	Mỗi 1 điểm % ROE mất đi làm P/B mục tiêu giảm 0,074 lần, tương đương 1.270đ/cp
Nợ nhóm 2 tăng gần gấp đôi và lãi & phí phải thu tăng 6 quý liên	Trung bình-Cao	Nếu 0,647% nợ nhóm 2 nhảy nhóm hết thì NPL lên ~1,68%, cần trích thêm khoảng 3.100 tỷ để giữ bao phủ 100%

Giả định then chốt của luận điểm (nếu sai → luận điểm sụp đổ)

- ASSUMPTION: COE 13,5% cho Base — thấp hơn COE lịch sử ngụ ý 15,77%, biện minh bằng beta 0,84 và CAR 12,45%. Đây là giả định THUẬN LỢI cho ACB.
- ASSUMPTION: ROE bền vững 17,0% — giả định chi phí tín dụng về ~10% LN trước dự phòng vì bao phủ đã trên 100%.
- FACT: cổ tức cổ phiếu 13% đã hoàn tất; 667.765.358 CP niêm yết bổ sung 14/07/2026 đã nằm trong 5.804.421.957 CP lưu hành.
- FACT: BVPS hiện hành 17.110đ khớp vốn chủ 94.520 tỷ ÷ 5.804,4 triệu CP trong sai số 5,1% (bằng hai quý lãi giữ lại).
- OPINION: việc thị trường trả giá cao hơn cho ACB trong lúc ROE giảm có thể phản ánh kỳ vọng nới room ngoại — đây là kỳ vọng, chưa phải sự kiện.

Điểm phá vỡ luận điểm (invalidation)

- CASA thủng 20% — mất hẳn lợi thế giá vốn của ngân hàng bán lẻ.
- NIM xuống dưới 2,7% hoặc tiếp tục giảm thêm hai quý.
- Cho vay/tiền gửi thô vượt 1,35 hoặc huy động âm hai quý liên tiếp.
- Bao phủ nợ xấu tụt lại dưới 90% kèm NPL vượt 1,3%.
- Hồ sơ nới room ngoại bị từ chối — mất catalyst duy nhất của khung 12 tháng.

8. Bảng điều kiện hành động

Điều kiện cần thỏa trước khi giải ngân

- ☐ Cung cấp 4 dữ kiện còn thiếu: khung thời gian nắm giữ, mức lỗ tối đa chấp nhận, danh mục hiện tại, tỷ lệ tiền mặt
- ☐ Giá về dưới 21.500đ (Base) mới bắt đầu có biên an toàn — hiện đang CAO HƠN 3,8%
- ☐ Đọc thuyết minh BCTC Q2/2026: số dư nợ nhóm 2 và cơ cấu huy động theo kỳ hạn
- ☐ ROE ngừng giảm ít nhất một quý — chuỗi hiện tại là 6 quý liên tiếp
- ☐ VNINDEX lấy lại MA50 (1.812,57) và số ngày phân phối/25 phiên giảm dưới 5 — hiện tại 9

Điều kiện gia tăng tỷ trọng

- ☐ NIM chạm đáy và tăng trở lại trong một quý
- ☐ Huy động khách hàng tăng trưởng dương, cho vay/tiền gửi thô về dưới 1,20
- ☐ CASA phục hồi vượt 23% hai quý liên tiếp
- ☐ P/B về dưới 1,1857 (đáy lịch sử) tức giá dưới 20.300đ
- ☐ UBCKNN chấp thuận nới room ngoại và khối ngoại mua ròng liên tục

Điều kiện giảm tỷ trọng / thoát

- ☐ ROE tụt dưới 15%
- ☐ CASA thủng 20%
- ☐ Bao phủ nợ xấu quay lại dưới 90%
- ☐ Mất pivot 21.740 (đã test 8 lần) với khối lượng trên 1,5x TB20
- ☐ Cho vay/tiền gửi thô vượt 1,35

Điều kiện HỦY luận điểm (cắt lỗ vô điều kiện)

- ☐ Chi phí tín dụng vượt 20% LN trước dự phòng hai quý liên tiếp
- ☐ CAR tụt dưới 10% buộc tăng vốn pha loãng
- ☐ Huy động khách hàng âm hai quý liên tiếp
- ☐ Kiểm toán đưa ý kiến ngoại trừ hoặc lộ khoản tín dụng lớn phải tái cơ cấu
- ☐ Tổng thu nhập HĐKD giảm so với cùng kỳ — hiện đã gần đứng yên ở +0,8%

9. Quản lý vị thế

Tỷ trọng tối đa đề xuất	KHÔNG THỂ XÁC ĐỊNH – thiếu 4 dữ kiện nhà đầu tư (khung thời gian, mức lỗ chấp nhận, danh mục, tỷ lệ tiền mặt)
Tỷ trọng và điểm cắt lỗ là KHUNG THAM CHIẾU, phải điều chỉnh theo quy mô, mức chịu lỗ và danh mục thực tế của nhà đầu tư.	

10. Catalyst theo mốc thời gian

Mốc	Sự kiện / động lực	Tác động kỳ vọng
0-3 tháng	Kết quả hồ sơ nói tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đang ở UBCKNN (công văn 06/07/2026)	Room 30% mới dùng 24,34% – catalyst dòng tiền rõ ràng nhất trong ngắn hạn
0-3 tháng	Thuyết minh BCTC Q2/2026 – nợ nhóm 2 và cơ cấu huy động theo kỳ hạn	Phân giải mâu thuẫn NPL 1,03% với chi phí dự phòng từng tăng 107,6%
3-6 tháng	Diễn biến NIM và CASA quý 3/2026 sau khi CASA rơi về 20,58%	Biến số quyết định giữa Base 21.500đ và Bear 16.500đ
3-12 tháng	Khoản vay hợp vốn nước ngoài đã được HĐQT thông qua ngày 29/07/2026	Bổ sung nguồn vốn trung dài hạn khi cho vay/tiền gửi thô đã 1,2934 – nhưng giá vốn ngoại tệ kèm rủi ro tỷ giá
6-12 tháng	Chu kỳ lãi suất huy động – COF 3,83% so với YOEA 6,38%	Đòn bẩy trực tiếp lên NIM 2,89%, mảng duy nhất có thể đảo chiều nhanh

10b. Đối chiếu với consensus công ty chứng khoán

12 báo cáo · thấp nhất 27.100 · trung vị 29.550 · cao nhất 33.700

Base của Ủy ban (21.000đ) nằm NGOÀI dải khuyến nghị của thị trường — phải giải thích khác họ ở giả định nào.

Nguồn	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Ngày	So với giá HT
MBS	KHẢ QUAN	33.700	2026-06-02	+50.8%
CSI	MUA	33.000	2026-04-17	+47.7%
KBSV	MUA	31.800	2026-06-04	+42.3%
VPX	MUA	30.600	2026-06-01	+36.9%
AGRISECO	MUA	30.000	2026-06-02	+34.2%
VNDS	KHẢ QUAN	29.600	2026-07-06	+32.4%
KAFI	KHẢ QUAN	29.500	2026-07-14	+32.0%
KAFI	TRUNG LẬP	29.500	2026-06-05	+32.0%
VIX	TÍCH CỰC	28.000	2026-07-29	+25.3%
VDS	MUA	27.600	2026-06-26	+23.5%
SSI	KHẢ QUAN	27.500	2026-05-12	+23.0%
BSC	MUA	27.100	2026-05-21	+21.3%

Nguồn: Finhay. Đây là DỮ LIỆU THAM KHẢO, không phải kết luận.

10c. Chất lượng tín dụng & cơ cấu nguồn vốn

Các chỉ tiêu dưới đây lấy từ Finhay — nguồn vnstock không có. Nợ nhóm 2 và lãi/phí phải thu là hai chỉ báo nợ xấu ẩn quan trọng nhất khi đọc ngân hàng.

Chỉ tiêu	2026Q2	2026Q1	2025Q4	2025Q3	2025Q2
Nợ nhóm 2 (%)	0,647	0,705	0,363	0,47	0,474
Hình thành nợ xấu mới (%)	0,11	0,026	-0,097	-0,098	-0,143
Lãi+phí phải thu / TTS (%)	0,728	0,714	0,665	0,65	0,637
Dự phòng / cho vay (%)	1,081	1,102	1,11	0,92	0,959
LDR quy định (trần 0,85)	0,8498	0,8438	0,8209	0,8625	0,8228
LDR thô	1,3005	1,2535	1,1799	1,1778	1,1226
CASA (%)	20,523	21,768	21,762	22,797	21,767
Tiền gửi KH / nguồn vốn (%)	53,997	55,205	57,043	60,2	60,78
Giấy tờ có giá / nguồn vốn (%)	18,637	15,127	12,994	11,954	14,949
Vốn liên NH / nguồn vốn (%)	13,893	14,704	15,109	13,618	10,311

Bao phủ nợ xấu 105,3% · Nợ xấu tuyệt đối 7.657,4 tỷ

11. Dữ liệu thiếu & giới hạn của báo cáo

- Cơ cấu dư nợ theo NGÀNH (bất động sản, xây dựng) — cả Finhay lẫn vnstock đều không có
- Số dư trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu VAMC
- Chi tiết kỳ hạn HUY ĐỘNG (Finhay chỉ có kỳ hạn cho vay)
- Lộ trình CAR theo Basel III và tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa mới đang xin phê duyệt
- Điều khoản khoản vay hợp vốn nước ngoài (quy mô, lãi suất, kỳ hạn) thông qua 29/07/2026
- Company.insider_trading: NotImplementedError — không lấy được giao dịch nội bộ chi tiết
- Dữ liệu giao dịch nội bộ chi tiết (API lỗi) – đã dùng mục Sự kiện thay thế.

Báo cáo này đánh giá ĐIỀU KIỆN đầu tư, không đưa ra khuyến nghị MUA hay BÁN. Số liệu được lấy từ vnstock (nguồn KBS/VCI) tại ngày ghi trên báo cáo và có thể khác với báo cáo tài chính kiểm toán đầy đủ. Các mức định giá là kết quả của giả định được nêu rõ trong báo cáo – nếu giả định sai, kết quả sai. Nhà đầu tư phải tự kiểm chứng số liệu gốc và tự chịu trách nhiệm với quyết định của mình.